TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TP.P** **TỈNH N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/2024/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 01 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 128/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Hồ Văn G, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu phố 4, phường Mỹ Đông, thành phố P , tỉnh N .

Và bà Lê Thị L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu phố 4, phường Mỹ Đông, thành phố P , tỉnh N .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Hồ Văn G và bà Lê Thị L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Đông, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông Văn Giỏi và bà Lê Thị L không đồng ý trở về chung sống đoàn tụ, ông Văn Giỏi và bà Lê Thị L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Hồ Văn G và bà Lê Thị L xác nhận vợ chồng có 02 (*hai*) con chung tên Hồ Văn Nhật, sinh ngày 27/6/2005 (*đủ 18 tuổi, lao động tự túc được*) và Hồ Văn V, sinh ngày 25/9/2009. Khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận: Bà Lê Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hồ Văn V, sinh ngày 25/9/2009. Ông Hồ Văn G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ tháng 04 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hồ Văn G và bà Lê Thị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Ông Hồ Văn G và bà Lê Thị L, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Hồ Văn G và bà Lê Thị L đồng ý thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*:

Ông Hồ Văn G đồng ý giao con chung tên Hồ Văn V, sinh ngày 25/9/2009 cho bà Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Hồ Văn G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Hồ Văn G và bà Lê Thị L, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm ông Hồ Văn G và bà Lê Thị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000189 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P , tỉnh N . Ông Hồ Văn G và bà Lê Thị L đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh N ;
- VKSND TP. P ;
- CCTHADS TP. P ;
- UBND phường Mỹ Đông, TP.P ;

(*Giấy CNKH số: 60, quyển 01/2006 Ngày 30/6/2006*).
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Từ Công Từ Rượu